TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 19 - 02 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng dịch vụ

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/ Ông Nguyễn Văn Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công Em – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 456/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn S (X), sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn S: Anh Lê Tấn L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2020).

- *Bị đơn*: 1/ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1955.

2/ Anh Phạm Hoàng A, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

2/ Ông Phạm Văn M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

- Người làm chứng: 1/ Chị Phạm Thị Mộng T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

2/ Bà Phạm Thị Tuyết D1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

(Anh Lộc, ông H, A Hoàng A, ông M, chị T1 có mặt; Chị T, bà D1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI D1 VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/11/2020, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, anh Lê Tấn L là đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn S trình bày:

Ông Trần Văn S và ông Phạm Văn H là chỗ quen biết, ông H cần tiền trang trải công việc gia đình nên ông H có vay tiền của ông S nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 22/8/2019 âm lịch, ông H và con trai của ông H là anh Phạm Hoàng A ký biên nhận vay số tiền 100.000.000 đồng, ông H và anh Hoàng A là người trực tiếp nhận tiền.

- Ngày 20/10/2019 âm lịch, anh Phạm Hoàng A và vợ là chị Nguyễn Thị T ký biên nhận vay số tiền 100.000.000 đồng, anh Hoàng A và chị T là người trực tiếp nhận tiền thay cho ông H.

- Vào ngày 24/10/2019 âm lịch, ông H ký biên nhận vay số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 24/02/2020, anh Phạm Hoàng A có trả cho ông S số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, khi vay tiền của ông S, ông H có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Văn H. Đồng thời, ông H có nhờ ông S làm hồ sơ dịch vụ đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho ông H, do thành viên hộ gia đình ông S không đồng ý ký hồ sơ cấp đổi giấy nên ông S không thể hoàn thành hợp đồng dịch vụ như đã thỏa thuận. Khoảng chi phí ông S đã chi trả trong quá trình thực hiện dịch vụ là 10.000.000 đồng.

Nay, ông Trần Văn S yêu cầu ông Phạm Văn H, anh Phạm Hoàng A và chị Nguyễn Thị T liên đới trả số tiền vay 250.000.000 đồng. Đồng thời, ông S yêu cầu ông H trả tiền chi phí dịch vụ là 10.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Lộc rút yêu cầu buộc ông H, anh Hoàng A và chị T liên đới trả tiền lãi từ tháng 11/2019 đến ngày Tòa xét xử.

***** Tại bản tự khai, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, ông Phạm Văn H trình bày:

Ông có vay của ông Trần Văn S hai lần tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 22/8/2019 âm lịch, ông và anh Phạm Hoàng A vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, ông và anh Hoàng A là người trực tiếp nhận tiền.

- Ngày 24/10/2019 âm lịch, ông ký biên nhận vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng, ông là người nhận tiền. Khoảng tiền này do ông vay dùm cho ông Phạm Văn M.

Khi vay ông có thế chấp cho ông S một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông. Ông có trả lãi cho ông S như thỏa thuận. Đến ngày 24/02/2020, ông có trả gốc cho ông S số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận. Đến khoảng tháng 7/2020, ông S yêu cầu ông trả gốc và lãi còn nợ lại là 160.000.000 đồng nên ông cùng vợ chồng ông Phạm Văn M, chị Phạm Thị Mộng T, anh Phạm Hoàng A đến nhà ông S trả nợ. Sau khi ông S nhận tiền, ông có yêu cầu ông S hủy giấy nợ và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nhưng ông S không đồng ý mà yêu cầu ông tiếp tục trả số tiền nợ vay của anh Phạm Hoàng A là 160.000.000 đồng (gồm vốn và lãi) thì ông S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Anh Phạm Hòang A vay tiền của ông S thì ông không biết và không ký tên vào biên nhận để bảo lãnh nợ cho anh Hoàng A nên ông không đồng ý thì ông S đuổi ông cùng vợ chồng ông M ra khỏi nhà và khởi kiện ông tại Tòa án. Tổng số tiền gốc và lãi ông đã trả cho ông S là 210.000.000 đồng.

Nay, ông tự nguyện cùng anh Hoàng A và chị T trả số tiền còn nợ lại là 160.000.000 đồng để ông S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ông đồng ý trả cho ông S tiền chi phí dịch vụ là 10.000.000 đồng.

Do hoàn cảnh khó khăn, ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ.

* Tại biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Hoàng A trình bày:

Ngày 22/8/2019 âm lịch anh và ông Phạm Văn H có vay của ông Trần Văn S số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng.

Ngày 20/10/2019 âm lịch, anh và vợ là chị Nguyễn Thị T có vay của ông Trần Văn S số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng.

Ngoài ra, anh còn vay của ông S số tiền 30.000.000 đồng, không viết biên nhận, anh đã trả được 10.000.000 đồng, khoảng tiền này anh còn nợ lại 20.000.000 đồng.

Đối với biên nhận ngày 22/8/2019 thì anh và ông H đã trả xong. Hiện, anh còn nợ ông S số tiền 120.000.000 đồng là khoảng tiền nợ 100.000.000 đồng ký biên nhận ngày 20/10/2019 và khoảng tiền 20.000.000 đồng không ký biên nhận. Ông S yêu cầu anh trả gốc và lãi là 160.000.000 đồng thì ông S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Ngoài ra, ông S có nhận làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H với chi phí là 10.000.000 đồng.

Đối với biên nhận ngày 24/10/2019 do ông H vay dùm ông M số tiền 100.000.000 đồng thì ông H đã trả vào tháng 7/2020. Vào thời điểm trả nợ thì ông H, ông M, chị T, bà D1 đi đến nhà ông S trước, A đi sau. Khi A đến nhà ông S thì A nghe nói lại là ông H đã trả nợ xong. A không có chứng kiến việc giao nhận tiền giữa ông H và ông S.

Nay, anh và vợ anh đồng ý và tự nguyện trả cho ông S số tiền vay 160.000.000 đồng (gồm: khoảng tiền nợ 100.000.000 đồng ký biên nhận ngày 20/10/2019, khoảng tiền 20.000.000 đồng không ký biên nhận cộng tiền lãi) và 10.000.000 đồng tiền phí dịch vụ do ông H nợ của ông S, anh xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả đến khi hoàn tất nợ. Anh yêu cầu ông S trả lại cho anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Văn H.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn M trình bày:

Ông có nhờ ông Phạm Văn H vay dùm số tiền 100.000.000 đồng của ông Trần Văn S. Ông H là người ký biên nhận nợ. Ông đã đưa cho ông H số tiền 100.000.000 đồng để ông H trả cho ông S nhưng ông không nhớ rõ vào khoảng thời gian nào. Khi trả nợ, có mặt vợ chồng ông, ông H và chị Phạm Thị Mộng T, số tiền gia đình ông H trả cho ông S là 160.000.000 đồng nhưng không viết biên nhận. Ông cho rằng, ông nhận tiền từ ông H thì ông trả tiền lại cho ông H là hoàn tất nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Mộng T1 trình bày:

Khoảng tháng 5/2020, chị, ông Phạm Văn H, vợ chồng ông Phạm Văn M đến nhà ông S trả số tiền 160.000.000 đồng. Khi nhận tiền xong, ông S không viết biên nhận và cũng không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H.

* Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn không có ý kiến và không tham gia phiên tòa.

* Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả trA luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S:

Buộc ông Phạm Văn H, anh Phạm Hoàng A, chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn S số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 22/8/2019 và ngày 20/10/2019 âm lịch.

Buộc ông Phạm Văn H, có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn S số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 24/10/2019 âm lịch.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Hoàng A liên đới cùng ông Phạm Văn H trả cho ông Trần Văn S chi phí dịch vụ là 10.000.000 đồng.

Trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội Dung vụ án: Xét yêu cầu của ông S yêu cầu ông H trả 10.000.000 đồng chi phí dịch vụ. Nhận thấy, ông H và anh Hoàng A cùng khai thống nhất, ông S và ông H có thỏa thuận miệng, ông S nhận làm dịch vụ đổi lại giấy đất mới cho ông Phạm Văn H, trong quá trình làm thì phát sinh tranh chấp do con trai của ông H là thành viên hộ gia đình nhưng không đồng ý ký cấp đổi lại giấy nên ông S và ông H thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Chi phí dịch vụ ông S đã chi trả là 10.000.000 đồng và ông H cũng đồng ý trả. Tại phiên tòa, anh Hoàng A tự nguyện cùng với ông H trả cho ông S số tiền này. Xét việc tự nguyện cùng ông S trả nợ của anh Hoàng A là tự nguyện nên được Hôi đồng xét xử ghi nhận. Buộc ông H và anh Hoàng A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa ông S và công ty trách nhiệm hữu hạn nhà đất Hoàng Phương là do hai bên tự thỏa thuận và đã mặc nhiên chấm dứt hợp đồng do thành viên hộ gia đình ông H không đồng ý ký tên trong quá trình cấp đổi giấy mới và chi phí dịch vụ ông S đã trả là 10.000.000 đồng đã được ông H và anh Hoàng A xác nhận là có thật. Do hợp đồng đã mặc nhiên chấm dứt, chi phí dịch vụ ông S đã trả xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Phạm Văn H và anh Phạm Hoàng A thừa nhận, ông H cùng anh Phạm Hoàng A ký biên nhận nợ ngày 22/8/2019 và anh Hoàng A cùng vợ là chị T ký biên nhận ngày 20/10/2019 âm lịch. Ông H, anh Hoàng A đã trả cho ông S số tiền 50.000.000 đồng ở hai biên nhận trên, trả nợ có viết biên nhận. Tại phiên tòa, ông H tự nguyện liên đới cùng anh Hoàng A, chị T trả nợ cho ông S để ông S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S. Buộc ông H, anh Hoàng A, chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S số tiền vay 150.000.000 đồng.

Đối với biên nhận ngày 24/10/2019 âm lịch, biên nhận này là do ông H vay dùm cho ông Phạm Văn M, ông H là người ký biên nhận. Ông H và ông M cùng thống nhất là ông M đã giao cho ông H số tiền 100.000.000 đồng trả cho ông S nhưng ông S không viết biên nhận. Do ông S không thừa nhận, ông H và ông M không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên ông H phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn S số tiền 100.000.000 đồng,

Tại phiên tòa, anh Lê Tấn L là đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn S tự nguyện trao trả lại cho ông Phạm Văn H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H sau khi ông H, anh Hoàng A và chị T trả tiền nợ vay cho ông S. Xét lời trình bày của anh Lộc là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Ông Phạm Văn H và anh Phạm Hoàng A khai nại, ông H và anh Hoàng A có đến nhà trả cho ông S số tiền 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, những người chứng kiến ngày hôm đó là người thân thích của ông H. Ngoài lời khai của người chứng kiến thì ông H, Anh Hoàng A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để Hội đồng xét xử xem xét và trong lời khai của ông H với ông M, anh Hoàng A có sự mâu thuẫn, anh Hoàng A cũng không chứng kiến việc ông H trực tiếp trả cho ông S số tiền này. Do đó, lời khai nại của ông H, anh Hoàng A không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Phạm Hoàng A khai nại anh có nợ ông S số tiền 20.000.000 đồng nhưng không viết biên nhận, anh đồng ý trả cho ông S số tiền này nhưng ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, ông S có yêu cầu anh Hoàng A trả nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Xét yêu cầu xin trả dần của ông H và anh Hoàng A, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông H, anh Hoàng A, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và việc xin trả dần cũng không được ông S chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông H và anh Hoàng A.

[7] Yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của ông S tự nguyện rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền còn nợ lại. Xét việc rút yêu cầu tính lãi là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền 250.000.000 đồng của ông S đối với ông Phạm Văn H, anh Phạm Hoàng A và chị Nguyễn Thị T.

[8] Về án phí: Ông Phạm Văn H, anh Phạm Hoàng A, chị Nguyễn Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vay 150.000.000 đồng là 7.500.000 đồng (mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng). Ông Phạm Văn H và anh Phạm Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền chi phí dịch vụ 10.000.000 đồng là 500.000 đồng (mỗi người chịu 250.000 đồng nhưng mức thấp nhất là 300.000 đồng nên mỗi người chịu là 300.000 đồng) tương ứng với phần yêu cầu của ông S được Tòa án chấp nhận. Do yêu cầu của ông Trần Văn S được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi nên không chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 513, Điều 519, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S.

- Buộc ông Phạm Văn H, anh Phạm Hoàng A, chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn S số tiền 150.000.000 đồng.

- Buộc ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn S số tiền 100.000.000 đồng.

Trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn S hoàn trả lại cho ông Phạm Văn H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00513/ASDĐ/1/32 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp ngày 06/5/1997 cho ông hộ ông Phạm Văn H.

Việc giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao nhận tiền được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu của ông Trần Văn S đối với ông Phạm Văn H, anh Phạm Hoàng A và chị Nguyễn Thị T về việc tính lãi đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng.

Buộc ông H và anh Hoàng A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S khoản tiền chi phí dịch vụ 10.000.000 đồng.

2. Về án phí:

- Anh Phạm Hoàng A, chị Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phạm Hòang A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn S phải chịu số tiền 5.000.000 đồng. Ông S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.800.000 đồng theo biên lai số 0005936 ngày 09/10/2020 và biên lai thu số 0006126 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại cho ông S số tiền 2.800.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Cai Lậy;
- CCTHADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan